

Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam hiện nay

Vũ Thị Phương Lê*

Nhận ngày 11 tháng 12 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 02 năm 2024.

Tóm tắt: Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc là sự tác động có tổ chức và được điều chỉnh bằng pháp luật của các cơ quan nhà nước từ Trung ương tới địa phương đối với lĩnh vực dân tộc nhằm tạo điều kiện để mọi dân tộc trên địa bàn lãnh thổ nước Việt Nam cùng phát triển. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc là dạng quản lý công vụ của bộ máy nhà nước, mang tính quyền lực, tính tổ chức cao, được điều chỉnh bằng pháp luật, vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù của lĩnh vực quản lý. Bằng phương pháp phân tích và tổng hợp, bài viết này sẽ làm rõ những nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Dân tộc, công tác dân tộc, quản lý nhà nước.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: Vietnam is a multi-ethnic country. State management of ethnic minority affairs is the organized and legally regulated impacting by state agencies from the central to local levels on the domains of ethnic minority affairs in order to create conditions for all ethnic groups in Vietnam's territory to develop together. The state management on ethnic minority affairs is a form of public affairs management of the state apparatus, with power and high level of organization, being regulated by law, and bearing both generality and and specificity - with the specific characteristics of the managed domain. Using the methods of analysis and synthesis, this article will clarify the contents of the state management of ethnic minority affairs in Vietnam in the current period.

Keywords: Ethnicity, ethnic minority affairs, state management.

Subject classification: Political science

1. Giới thiệu

Việt Nam là quốc gia thống nhất gồm 54 dân tộc anh em, được hình thành và phát triển lâu dài trong lịch sử. Trong đó, dân tộc có số dân lớn nhất là dân tộc Kinh (Việt) (được gọi là dân tộc đa số), với 82,1 triệu người, chiếm 85,7% dân số cả nước. 53 dân tộc còn lại gọi là dân tộc thiểu số (DTTS), với 14,1 triệu người, chiếm 14,3% dân số cả nước (Tổng cục Thống kê, 2020). Dân tộc Kinh đóng vai trò chủ lực và đi đầu trong quá trình đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước. Các DTTS cư trú chủ yếu ở vùng miền núi, ở những địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái. Các DTTS gắn bó với dân tộc đa số và chung sức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, vùng DTTS và miền núi đang trở thành nơi thu hút sự quan tâm đầu tư trên mọi lĩnh vực của Đảng và Nhà nước. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc là phải giải quyết đúng đắn, hài hòa việc ưu tiên đầu tư theo vùng và theo từng dân tộc, phải là nhận thức thống nhất, nhất quán các nguyên tắc trong quản lý.

* Trường Đại học Vinh.
Email: levtp@vinhuni.edu.vn

Lịch sử thế giới trong thế kỷ XX đã cho thấy, nếu quốc gia nào coi nhẹ vấn đề dân tộc và không xác định đúng vị trí nguyên tắc của vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trong chiến lược phát triển quốc gia thì tất yếu dẫn đến xung đột dân tộc, liên quan đến sự tồn vong quốc gia. Quán triệt những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và xuất phát từ thực tiễn quan hệ dân tộc ở Việt Nam, tại Đại hội lần thứ XIII (2021), Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định các nguyên tắc trong công tác dân tộc ở Việt Nam, đó là “Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Bình đẳng là cơ sở để đoàn kết. Đến lượt mình, đoàn kết lại là biểu hiện để thực hiện bình đẳng. Bình đẳng, đoàn kết phải gắn liền với sự tôn trọng nhau, giúp nhau để cùng phát triển và đạt được những mục tiêu chung. Các nguyên tắc cơ bản trên cũng là cơ sở về mặt phương pháp luận để Đảng và Nhà nước xác định và triển khai các nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam.

Quản lý nhà nước về công tác dân tộc là sự tác động có tổ chức và được điều chỉnh bằng pháp luật của các cơ quan nhà nước từ Trung ương tới địa phương đối với lĩnh vực dân tộc, nhằm tạo điều kiện để mọi dân tộc trên địa bàn lãnh thổ nước Việt Nam cùng phát triển, tạo sự đồng thuận, kết nối giữa chính quyền và nhân dân trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Như vậy, quản lý nhà nước về công tác dân tộc là dạng quản lý công vụ của bộ máy nhà nước, mang tính quyền lực, tính tổ chức cao, được điều chỉnh bằng pháp luật, vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù của lĩnh vực quản lý. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc bao gồm việc xây dựng các chủ trương, chính sách về dân tộc; tuyên truyền, vận động tổ chức hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc... nhằm tác động và tạo điều kiện cho các dân tộc Việt Nam, nhất là các DTTS cùng phát triển, đảm bảo sự tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Chủ thể quản lý nhà nước về công tác dân tộc là các cơ quan nhà nước tham gia thực hiện chính sách dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều 22 của Nghị định số 5/2011/NĐ-CP xác định các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc đó gồm: Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan công tác dân tộc được tổ chức từ Trung ương, tỉnh và cấp huyện thuộc vùng đồng bào dân tộc (Chính phủ, 2011).

Mục đích của công tác dân tộc là nhằm thúc đẩy sự bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển, giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phân tích và tổng hợp là hai phương pháp chủ yếu được sử dụng để làm sáng tỏ những nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam hiện nay. Sử dụng phương pháp phân tích để phân chia các nội dung thành từng mặt, từng bộ phận để phát hiện, nhận thức sâu hơn biểu hiện của nội dung đó trong nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Phương pháp tổng hợp được dùng để tổng hợp các số liệu, minh chứng từ các nguồn dữ liệu khác nhau, đồng thời để nhận thức toàn bộ các nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam như một chỉnh thể.

2. Nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam

Quản lý nhà nước về công tác dân tộc là một trong những nội dung được đề cập trong Hiến pháp năm 2013, trong cơ cấu tổ chức của Quốc hội, Chính phủ. Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 cũng quy định sự có mặt của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội trong cơ cấu tổ chức. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định nhiệm vụ cụ thể Chính phủ phải làm về

lĩnh vực dân tộc. Đó là những cơ sở để quản lý, xây dựng, hoàn thiện và thực thi chính sách dân tộc. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc đã chỉ ra những nội dung giúp cơ quan nhà nước thực hiện quản lý công tác dân tộc; đồng thời giúp các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tham gia thực hiện chính sách dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo Điều 21 của Nghị định này, quản lý nhà nước về công tác dân tộc bao gồm nhiều nội dung (Chính phủ, 2011).

2.1. Ban hành và chỉ đạo thực hiện chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về lĩnh vực công tác dân tộc

Với tư cách là chủ thể thống nhất quản lý nhà nước về công tác dân tộc, Chính phủ phải có nhiệm vụ cụ thể hóa các quan điểm của Đảng, thực hiện các điều luật của Hiến pháp thông qua việc ban hành các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội cho đồng bào các dân tộc. Sau đó, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước; yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan công tác dân tộc từ Trung ương, tỉnh và cấp huyện thuộc vùng đồng bào dân tộc triển khai thực hiện. Cụ thể là, gần đây Chính phủ đã có Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 18/01/2022 ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, ngày 30/12/2022, Chính phủ đã ký Quyết định số 1657/QĐ-TTg ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm cụ thể hóa những quan điểm, nội dung và nhiệm vụ chủ yếu đề ra tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022. Cũng theo Quyết định này, các Bộ, ngành, cơ quan ở Trung ương theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với cơ quan, địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất, xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ, đề án.

Vai trò của quản lý nhà nước trong xây dựng chính sách dân tộc là hệ thống các hoạt động định hướng, điều hành các quy trình thu thập thông tin, xây dựng nội dung, hội thảo, tổ chức xin ý kiến, hoàn thiện và trình cơ quan chức năng ký, ban hành. Chất lượng của một chính sách tùy thuộc vào quy trình, năng lực và chất lượng quản lý các hoạt động trên. Chính sách ưu tiên phát triển được thể hiện thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ của nhà nước nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, như Chương trình 135, 134...

2.2. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về công tác dân tộc; xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, trong đó có chính sách đặc thù

Trong giai đoạn 2016-2021, mặc dù Bộ Nội vụ không xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến công tác dân tộc, nhưng với chức trách và quyền hạn của mình, Bộ Nội vụ đã tham mưu, đề xuất về chế độ tiền lương và phụ cấp, chính sách tuyển dụng, đề bạt bổ nhiệm, công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, chính sách thanh niên vùng DTTS và miền núi; về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố là người DTTS ở địa bàn đặc biệt khó khăn (Cổng thông tin điện tử Hội đồng Dân tộc, 2022). Những việc làm này đã tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, góp phần xây dựng chính sách đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát triển văn hóa các DTTS.

Trong Kết luận 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24 trong tình hình mới, khi phân tích nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế,

Đảng ta đã chỉ rõ: “Chính sách, pháp luật được ban hành chủ yếu là hỗ trợ, chưa ưu tiên tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi” (Ban Chấp hành Trung ương, 2019). Mặt khác, hiện nay, Việt Nam chưa có Luật Dân tộc để điều tiết các quan hệ dân tộc, vùng DTTS và miền núi. Hệ thống chính sách đối với vùng đồng bào DTTS và miền núi còn bộc lộ những hạn chế, bất cập. Nghị định 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ vẫn đang là văn bản pháp lý cao nhất về công tác dân tộc. Cơ sở lý luận liên quan đến công tác dân tộc chưa đầy đủ và chuẩn xác đã ảnh hưởng đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu và các báo cáo cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp liên quan đến công tác dân tộc, vẫn còn tình trạng chồng chéo, trùng lặp nội dung, đối tượng của một số chính sách. Cơ chế chính sách, một số văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của Trung ương và địa phương ban hành chậm, chưa đầy đủ; việc sửa đổi, bổ sung thiếu kịp thời. Định mức đầu tư, hỗ trợ của một số chính sách thấp, không phù hợp với thực tiễn. Kết quả giải ngân các chương trình mục tiêu quốc gia những năm qua của hầu hết các địa phương còn thấp.

Việc phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi theo trình độ phát triển là căn cứ pháp lý quan trọng để các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, đảm bảo minh bạch, trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả. Nếu không phân định rõ ràng điều này thì sẽ gặp khó khăn trong việc chi trả các chế độ cho con em đồng bào DTTS, chính sách bảo hiểm y tế, hộ nghèo, cận nghèo, vay vốn ưu đãi và chính sách cho cán bộ công chức,... Nghị quyết 28/NQ-CP ngày 10/3/2020 của Chính phủ đã phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi thành 3 khu vực theo trình độ phát triển là cơ sở quan trọng để Nhà nước có chính sách ưu tiên đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế từng vùng, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển, cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện tốt hơn cho đồng bào DTTS.

Quản lý nhà nước về công tác dân tộc còn bao gồm cả xây dựng chính sách đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát triển văn hóa các DTTS. Những nội dung này có tác động cùng chiều trong việc thực hiện các mục tiêu văn hoá - xã hội vùng DTTS và miền núi. Để phát triển toàn diện nguồn nhân lực các dân tộc, cần có văn bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ có liên quan như: xác định số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS được cử đi tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân tộc, bồi dưỡng tin học văn phòng, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ...); công tác quy hoạch bố trí, sử dụng cán bộ là người DTTS đang sinh sống trên địa bàn; chính sách đãi ngộ,...

2.3. Kien toan to chuc bo may co quan lam cong tac dan toc tu Trung wong den co so; thuc hienphan cong,phan cap co hieu qua trong linh vuc cong tac dan toc

Để tổ chức thực thi chính sách dân tộc cần có bộ máy, con người cùng các quy định về quan hệ và chế độ làm việc được hình thành cả ở cấp Trung ương (cơ quan thường trực chính sách) và địa phương (cấp tỉnh, huyện) để huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và để tiếp nhận triển khai công tác điều hành, quản lý. Trên cơ sở bộ máy và nhân sự được xác lập, thực hiện công tác điều hành, điều phối các công việc bảo đảm theo đúng mục tiêu, kế hoạch và tiến độ yêu cầu quy định trong chính sách. Công tác chỉ đạo trực tiếp theo sự phân cấp, có cả ở cấp Trung ương và địa phương thông qua các văn bản hành chính.

Kể từ sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2004 về kien toan to chuc bo may lam cong tac dan toc thuoc uy ban nhan dan các cấp,

các địa phương trong cả nước đã đồng loạt kiện toàn tổ chức bộ máy bám sát các nguyên tắc: (1) Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; (2) Phù hợp với nhiệm vụ, khối lượng công việc và yêu cầu thực tiễn ở địa phương về công tác dân tộc; (3) Tinh gọn, hiệu quả; tổ chức sở, ban, phòng quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực phù hợp với chủ trương cải cách hành chính.

2.4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số

Sự phát triển của các dân tộc luôn gắn với sự phát triển của cách mạng Việt Nam, là mối quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước ta. Thực hiện chính sách dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn là một bộ phận hữu cơ, lợi ích sống còn, bảo đảm sự ổn định, không thể tách rời với sự phát triển chung của quốc gia, cả về khía cạnh kinh tế và chính trị.

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 được Chính phủ phê duyệt ngày 19/6/2020 là chương trình mục tiêu quốc gia thứ ba sau Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, trong đó đã tích hợp gần 200 chính sách của đồng bào dân tộc vào Chương trình này. Hiện nay, Việt Nam có 136 chính sách dân tộc đang được thực thi trên tổng số 188 chính sách thực hiện tại vùng DTTS và miền núi đang còn hiệu lực do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đó là các chương trình, chính sách dành riêng cho đồng bào DTTS, vùng DTTS và miền núi hoặc các chương trình, chính sách áp dụng chung cho cả nước nhưng có nội dung ưu tiên hỗ trợ đồng bào DTTS, vùng DTTS và miền núi. Tuy nhiên, nhìn chung, các chính sách dân tộc còn phân tán, dàn trải, hiệu quả còn chưa cao, việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia nói chung, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi triển khai còn rất chậm. Sự phối hợp giữa các cơ quan, chính quyền các cấp còn bất cập, lúng túng. Việc phân định các xã, thôn, vùng đồng bào DTTS và miền núi chưa được giải quyết dứt điểm. Việc huy động các nguồn lực cho chương trình và phân bổ sử dụng các nguồn lực còn khó khăn (Báo điện tử Đại biểu nhân dân, 2023).

2.5. Kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án ở vùng dân tộc thiểu số

Đây là khâu bắt buộc để tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực thi chính sách, phát huy kịp thời những mặt tốt, phù hợp và điều chỉnh, khắc phục, giải quyết những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Chẳng hạn, trong giai đoạn từ năm 2016-2020, Thanh tra Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Ban Dân tộc các địa phương đã tiến hành 675 cuộc thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách dân tộc. Trong đó, Ban Dân tộc của 48 tỉnh, thành phố đã tiến hành 469 cuộc thanh tra, 125 cuộc kiểm tra, 4 tỉnh có cơ quan làm công tác dân tộc tiến hành 40 cuộc kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn các tỉnh; Thanh tra Ủy ban Dân tộc đã tổ chức tiến hành 41 thanh kiểm tra (30 cuộc thanh tra chuyên ngành, 8 cuộc thanh tra hành chính, 3 cuộc kiểm tra) thực hiện chính sách dân tộc (Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2022). Nhiều hạn chế, thiếu sót các địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc đã được phát hiện kịp thời và được xử lý, khắc phục.

Việc kiểm tra, đánh giá là một quá trình thường xuyên, được tiến hành liên tục, ngay cả từ bước hoạch định và thực thi chính sách. Kiểm tra, đánh giá, thẩm định các chương trình,

dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chính sách. Công việc này do cấp ban hành chính sách tiến hành.

2.6. Tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho đồng bào các dân tộc

Thời gian qua, các tổ chức chính trị - xã hội, đứng đầu là Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tích cực tuyên truyền cho đồng bào, nhất là ở vùng DTTS và miền núi hiểu rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Mặt trận Tổ quốc các địa phương đã không ngừng đổi mới phương thức tuyên truyền, vận động đối với đồng bào DTTS và miền núi, góp phần đem lại cuộc sống bình yên cho nhân dân và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh trật tự trong cả nước. Không chỉ nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào để kiến nghị với các cấp chính quyền xem xét, giải quyết và động viên đồng bào DTTS đoàn kết kịp thời, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân các địa phương còn đẩy mạnh thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động tối đa mọi khả năng đóng góp của nhân dân trong việc xây dựng và phát triển địa phương; hướng dẫn cách làm ăn cho người dân, động viên nhân dân cố gắng vươn lên thoát khỏi đói nghèo và làm giàu chính đáng; tăng cường sự đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc.

Chính sách, thể chế về phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS đã và đang đi vào cuộc sống. Các địa phương trong cả nước đã phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng nhằm cải thiện điều kiện tiếp cận, kết nối, chia sẻ thông tin pháp luật, chính sách dân tộc bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, thiết thực, kịp thời, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm. Theo thông tin từ Bộ tư pháp, trong giai đoạn 2017-2021, cả nước đã tổ chức 348.016 hội nghị, lớp tập huấn phổ biến, giáo dục pháp luật cho khoảng 9.846.083 lượt người tham dự; 931 hội thi, cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho hơn 305.956 lượt người tham dự; xây dựng, phát sóng 36.487 chương trình truyền hình, 95.679 chương trình phát thanh. Trong đó, có các chương trình truyền hình, phát thanh bằng tiếng DTTS. Đã biên soạn, in ấn, phát hành, cung cấp tài liệu, pa nô, băng rôn để phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền chính sách dân tộc với số lượng 2.459.866 cuốn sách, sổ tay pháp luật; 47.015 pa nô, băng rôn - bao gồm cả tài liệu song ngữ, tài liệu bằng ngôn ngữ DTTS; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (chương trình, chuyên trang, chuyên mục trên truyền hình, phát thanh, báo, tạp chí, cổng thông tin điện tử, bao gồm cả các chuyên trang, chuyên mục đặc thù bằng ngôn ngữ DTTS) với khoảng 148.055 tin, bài (Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, 2022). Một số địa phương đã có sáng kiến mô hình ứng dụng Infographic trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật giúp trình bày nội dung cần tuyên truyền, vận động một cách dễ hiểu, hấp dẫn, giúp người dân vùng DTTS và miền núi sử dụng, khai thác một cách thuận lợi hệ thống thông tin pháp luật về công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Một số địa phương có cách làm sáng tạo trong việc lồng ghép nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân tộc trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào các DTTS để phổ biến, giáo dục pháp luật cho hơn 1.118.980 lượt người. Điển hình như Trà Vinh thực hiện lồng ghép nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật tại 143 chùa Phật giáo Nam tông Khmer nhân dịp mừng Tết Chôl Chnam Thmây và lễ Sêne Đolta cùng với các ngày quy y; tại 27 cơ sở thờ tự của đồng bào Hoa và Thánh đường Hồi giáo của đồng bào Chăm. Tỉnh Phú Yên đã tổ chức

12 chương trình giao lưu văn hóa gắn với chiếu phim tuyên truyền về ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ pháp luật. Tỉnh Quảng Ninh tổ chức gần 70 buổi tuyên truyền thông qua hình thức văn hóa, văn nghệ phục vụ trên 20.000 lượt người; thực hiện trên 250 buổi chiếu phim lưu động/1 năm phục vụ cho 200-300 ngàn lượt người; tổ chức 150 buổi tuyên truyền lưu động/1 năm phục vụ cho 300-400 ngàn lượt người. Tỉnh Thanh Hóa tổ chức 675 buổi biểu diễn, 7.000 buổi chiếu phim, 8.832 buổi sinh hoạt về bình đẳng giới, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống... (Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, 2022).

2.7. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị và cán bộ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người DTTS được chú trọng, bảo đảm có cơ cấu hài hòa giữa các thành phần dân tộc trong các tổ chức trong hệ thống chính trị. Từ năm 2016-2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới... Nhờ đó, đội ngũ cán bộ, công chức người DTTS được quan tâm, chú trọng xây dựng, từng bước đáp ứng về số lượng và chất lượng, phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của hệ thống chính trị các cấp.

Quốc hội khóa XIV có 86 đại biểu là người DTTS, chiếm 17,4% tổng số đại biểu Quốc hội, cao hơn 8 người (gần 2%) so với Quốc hội khóa XIII. Đặc biệt, Quốc hội khóa XV có 89 đại biểu là người DTTS, lần đầu tiên trong 15 nhiệm kỳ Quốc hội, tỉ lệ đại biểu Quốc hội trúng cử là người DTTS đạt 17,84%, cao nhất từ trước đến nay và cũng là lần đầu tiên Quốc hội nước ta có thêm đại diện của hai DTTS rất ít người là Lự và Brâu. Tại cơ quan Ủy ban Dân tộc có 02 công chức trúng cử là đại biểu Quốc hội khóa XV. Như vậy, có 52/54 dân tộc đã từng hoặc đang có đại diện tham gia các khóa Quốc hội. Tỷ lệ cán bộ DTTS được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI là 8,75%; Khóa XII là 8,5%; Khóa XIII là 6,5% (Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, 2021).

Cũng theo Ủy ban Dân tộc, năm 2016, cả nước có 68.781 biên chế là người DTTS, chiếm 11,68% tổng số biên chế cả nước. Ở các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, có 162.120 cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS, chiếm 14,53% (nữ giới chiếm 49,2%); trong đó, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là 10.398 người, chiếm 17,2%. Tỷ lệ cán bộ DTTS là đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2004-2009: cấp tỉnh là 20,23%, cấp huyện là 20,18%, cấp xã là 24,4%; nhiệm kỳ 2016-2021: cấp tỉnh là 16,91%, cấp huyện là 18,29%, cấp xã là 22,14% (Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, 2021).

2.8. Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc

Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc với mục tiêu trọng tâm là phục vụ thiết thực cho công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số. Hệ thống được triển khai xây dựng trong hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc; số liệu được tổ chức lưu trữ một cách thống nhất và hệ thống để dùng chung; cho phép dễ dàng tổng hợp, phân tích, khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ kịp thời và nhanh chóng cho công tác chỉ đạo điều hành chuyên môn nghiệp vụ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc Trung ương và địa phương. Hiện nay, Việt Nam

đang xây dựng một hệ thống tập trung tại Ủy ban Dân tộc, dựa trên hạ tầng công nghệ thông tin của Trung tâm thông tin, với các điểm nhánh cập nhật dữ liệu tại các Ban Dân tộc và một số đơn vị phối hợp tại các Bộ, ngành bằng ứng dụng trên nền web, cũng như việc tích hợp dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống dữ liệu của các Bộ, ngành trên toàn quốc. Thời gian qua, cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về DTTS và chính sách dân tộc ở Việt Nam chưa rõ ràng, nên việc xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối thông tin ra bên ngoài còn gặp nhiều vướng mắc.

2.9. Thẩm định các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

Chức năng thẩm định hoặc tham gia thẩm định các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS theo quy định của pháp luật của Ủy ban Dân tộc đã được quy định từ năm 2012 tại Nghị định số 84/2012/NĐ-CP và tiếp tục được kế thừa trong Nghị định 13/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, từ năm 2012-2020, chưa có văn bản pháp luật nào quy định cụ thể về phạm vi thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời gian thẩm định và trách nhiệm của Bộ, ngành có liên quan trong việc gửi văn bản đến Ủy ban Dân tộc để thẩm định. Do đó, việc thực hiện chức năng chủ trì thẩm định các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS của Ủy ban Dân tộc chưa thực hiện được. Hiện nay, theo phân công của Thủ tướng Chính phủ và đề xuất của các Bộ, ngành thì Ủy ban Dân tộc đang thực hiện nhiệm vụ tham gia thẩm định. Nguyên tắc thực hiện nhiệm vụ thẩm định của Ủy ban Dân tộc về các chương trình, kế hoạch, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ là phải tuân thủ và thực thi đúng quy định của pháp luật; không chồng chéo, trùng lặp với chức năng, nhiệm vụ, nội dung thẩm định của các Bộ, ngành khác; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các bộ, ngành có liên quan trong thẩm định trên nguyên tắc phù hợp và phát triển bền vững.

2.10. Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn tình hình công tác dân tộc, chiến lược công tác dân tộc, chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc

Trong nhiều năm qua, công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết tình hình công tác, chiến lược, chính sách và quản lý nhà nước về công tác dân tộc được chú trọng. Do đó, hệ thống chính sách, pháp luật về công tác dân tộc ngày càng đa dạng về chủ thể ban hành; đa dạng về mục tiêu, nội dung, lĩnh vực; đa dạng về hình thức văn bản; đa dạng về đối tượng chính sách; đa dạng về các cơ quan chủ trì, tổ chức thực hiện chính sách và đa dạng về thời điểm, thời gian thực hiện... Từ năm 2011 đến nay, chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc được thể hiện rất cơ bản trong Nghị quyết các kỳ Đại hội, bên cạnh đó còn có Kết luận số 65KL/TW, ngày 30/10/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Công tác dân tộc trong tình hình mới. Thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng nêu trên, Quốc hội đã ban hành Hiến pháp năm 2013 (06 Điều, gồm các Điều 5, 42, 58, 61, 70, 75), cùng hệ thống luật (trên 100 luật với khoảng gần 300 điều) và nhiều nghị quyết (28 nghị quyết, trong đó có 5 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Quốc hội đã ban hành 2 nghị quyết quan trọng: Nghị quyết 88/2014/QH14 ngày 18/11/2019 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2020; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn

2021-2030. Tiếp đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 557 văn bản có liên quan, trong đó: 358 văn bản thuộc thẩm quyền Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và 199 văn bản thẩm quyền của cấp bộ (Cổng Thông tin điện tử Quốc hội, 2022).

2.11. Hợp tác quốc tế về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật

Ủy ban Dân tộc bằng các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ các nguồn lực đầu tư phát triển vùng DTTS và miền núi. Bên cạnh nguồn kinh phí của các đối tác nước ngoài hỗ trợ thêm vào ngân sách Nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án thì còn có sự tham gia của nhiều dự án của các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, một số dự án đã được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS và miền núi. Mặt khác, việc tận dụng tối đa nguồn viện trợ không hoàn lại, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi trong thời gian qua cũng đã góp phần thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021- 2025.

Với vai trò là cơ quan thường trực thực hiện Đề án 2214, Ủy ban Dân tộc đã tích cực, chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan thúc đẩy hợp tác quốc tế để thu hút tối đa tiềm năng nguồn lực. Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc, theo Báo cáo số 855/BC-UBDT ngày 3/06/2022 của Ủy ban Dân tộc, tính đến năm 2020, đã thu hút được 2,6 tỷ USD vốn ODA, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi. Trong giai đoạn 2016-2020, đã tiếp nhận khoảng 5,5 triệu USD vốn hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ. Từ năm 2014-2018, đã có gần 200 dự án giảm nghèo và an sinh xã hội được triển khai trong vùng DTTS và miền núi từ Tây Bắc, đến Tây Nguyên; khoảng 252 dự án về giáo dục, đào tạo dạy nghề và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS. Riêng 5 tỉnh Tây Nguyên có 10 dự án viện trợ đã và đang hỗ trợ, trong đó có 4 dự án viện trợ không hoàn lại của Quỹ Toàn cầu, EC và GAVI, 6 dự án viện trợ vay của WB, ADB, JICA, với tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ cho cả vùng khoảng 88.712.151 USD. Khu vực miền núi phía Bắc có 9 dự án viện trợ đã và đang hỗ trợ cho 16 tỉnh, trong đó có 4 dự án viện trợ không hoàn lại do Quỹ Toàn cầu và GAVI tài trợ, 5 dự án vay vốn WB, ADB và JICA... (Dân tộc và Phát triển, 2022). Riêng tỉnh Bắc Giang, trong giai đoạn 2016-2020 đã triển khai 32 dự án của 29 tổ chức phi chính phủ nước ngoài với tổng kinh phí 79 tỷ đồng để chủ yếu giải quyết vấn đề giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn, giáo dục - đào tạo; y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường... (Cổng thông tin điện tử Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang, 2022).

4. Kết luận

Với đặc điểm các dân tộc có trình độ phát triển không đồng đều về mọi lĩnh vực, quản lý nhà nước về công tác dân tộc phải đảm bảo thể chế hoá các nghị quyết của Đảng và thể hiện một cách đầy đủ quyền bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội; đoàn kết giữa các dân tộc, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Trong đó, quyền bình đẳng về kinh tế được xem là nền tảng cơ bản, đoàn kết giữa các dân tộc là bản chất cốt lõi của chính sách dân tộc. Cho đến nay, hệ thống chính sách dân tộc được ban hành khá đầy đủ, bao phủ toàn diện các lĩnh vực, nhằm hỗ trợ đồng bào các DTTS phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững; phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa; phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Các chương trình đã đem lại những hiệu quả tích cực về đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các DTTS trên phạm vi cả nước. Nhờ đó, đời sống vật chất và tinh thần vùng đồng bào các DTTS và miền núi đã có sự thay đổi lớn,

phát triển hơn, phong phú và đa dạng hơn, được cải thiện rõ rệt so với trước thời kỳ đổi mới. Quản lý nhà nước thông qua các nội dung, chương trình hoạt động của mình giúp các dân tộc rút ngắn khoảng cách phát triển, cùng nhau xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Tài liệu tham khảo

Anh Thư. (25/5/2022). Vận động từ các tổ chức phi chính phủ nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. *Cổng thông tin điện tử Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang* https://bdt.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/ivaa62McqTU0/content/van-ong-tu-cac-to-chuc-phi-chinh-phu-nham-phat-trien-kt-xh-vung-ong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui?inheritRedirect=false

Ban Chấp hành Trung ương. (2019). *Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới*.

Ban Tuyên giáo Trung ương. (2018). *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Bích Ngọc. (9/8/2022). Thực tiễn chính sách dân tộc trong hệ thống chính sách, pháp luật đang đặt ra yêu cầu phải khẩn trương đồng bộ hoá. *Cổng Thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam*. <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhophquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=67352&CategoryId=0>

Chính phủ. (2011). *Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 về công tác dân tộc*.

Chính phủ. (2020). *Nghị quyết 28/NQ-CP ngày 10/3/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2020*.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới - Phần 1 (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. tập I*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

KC. (19/7/2022). Công tác thanh tra, kiểm tra góp phần hoàn thiện chính sách dân tộc. *Báo Điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*. <https://dangcongsan.vn/van-hoa-vung-sau-vung-xa-bien-gioi-hai-dao-vung-dan-toc-thieu-so/tin-tuc/cong-tac-thanh-tra-kiem-tra-gop-phan-hoan-thien-chinh-sach-dan-toc-615505.html>

Kim Hằng. (17/9/2021). Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hệ thống chính trị. *Ủy ban Dân tộc: Thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo*. <http://dtg.ubdt.gov.vn/nguyen-cuu-trao-doi/dao-tao-boi-duong-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-nguoi-dan-toc-thieu-so-dap-ung-yeu-cau-ngay-cang-cao-cua-he-thong-chinh-tri.htm>

Minh Tuyền. (9/8/2022). Phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số - Thực trạng và giải pháp. *Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp*. <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=154>

Minh Thành - Nghĩa Đức (24/3/2022). Giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác dân tộc giai đoạn 2016-2021. *Cổng thông tin điện tử Hội đồng Dân tộc*. <https://quochoi.vn/hoidongdantoc/giamsat/Pages/home.aspx?ItemID=483>

Nguyễn Vũ lược ghi. (7/6/2023). Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. *Báo Điện tử Đại biểu Nhân dân*. <https://daibieunhandan.vn/chinh-tri/huy-dong-moi-nguon-luc-dau-tu-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-i331731/>

Sỹ Hào. (2022). Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc: Tranh thủ nguồn lực để phát triển (Bài 2). *Báo Dân tộc và phát triển*. <https://baodantoc.vn/tang-cuong-hop-tac-quoc-te-trong-linh-vuc-cong-tac-dan-toc-tranh-thu-nguon-luc-de-phat-trien-bai-2-1670489083629.htm>

Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Nxb. Thống kê.